

CÔNG TY CỔ PHẦN RV BẮC GIANG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN RV BẮC GIANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: RV BAC GIANG.,JSC

Tên công ty viết tắt: RV BAC GIANG JOINT STOCK COMPANY

2. Mã số doanh nghiệp: 2400820307

3. Ngày thành lập: 08/08/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Vườn, Xã Xuân Hương, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0969 639 177

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
2.	Sao chép bản ghi các loại	1820
3.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Kinh doanh than non, than phụ phẩm qua nghiền, mua bán than cốc, than bán cốc (qua lửa); Kinh doanh than bùn, than cám; Kinh doanh than tổ ong, than sạch; Kinh doanh nghiền các phụ phẩm của nó.	4661
4.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
5.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
6.	Cho thuê xe có động cơ	7710
7.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
8.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày ; Chi tiết: Bán buôn máy vi tính, thiết bị âm thanh, thiết bị ngoại vi và phần mềm tin học, vi tính; Lắp đặt hệ thống camera; Bán buôn thiết bị nghe nhìn; Tivi các loại; Thiết bị âm thanh loa đài, đầu âm li; Thiết bị xử lý số; Thiết bị ánh sáng; Máy móc, thiết bị và phụ tùng khác.	4659
9.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
10.	Chăn nuôi gia cầm	0146
11.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
12.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
13.	Giáo dục nghề nghiệp Chi tiết: Đào tạo nghề ngắn hạn.	8532
14.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830

15.	Hoàn thiện sản phẩm dệt Chi tiết: Giặt, mài công nghiệp.	1313
16.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
17.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
18.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
19.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
20.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
21.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
22.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
23.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
24.	Thu gom rác thải độc hại	3812
25.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
26.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
27.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình Chi tiết: Sửa chữa camera các loại	9522
28.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
29.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
30.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
31.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
32.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
33.	Chăn nuôi lợn	0145
34.	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610
35.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
36.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
37.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
38.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
39.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
40.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
41.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
42.	Khai thác gỗ	0221
43.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
44.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê nhà xưởng, hạ tầng.	6810
45.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
46.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
47.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
48.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022

49.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
50.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
51.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
52.	Khai thác và thu gom than non	0520
53.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
54.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322(Chính)
55.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép Chi tiết: Kinh doanh vải, hàng may mặc, giày dép.	4641
56.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép	4669
57.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ kho vận; Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty sản xuất kinh doanh.	8299
58.	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy, bì.	1702
59.	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất bao bì từ plastic.	2220
60.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
61.	Quảng cáo	7310
62.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
63.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
64.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
65.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
66.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
67.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
68.	Xuất bản phần mềm	5820
69.	Lập trình máy vi tính	6201
70.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
71.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
72.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
73.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
74.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
75.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh gạch, ngói, gốm, sứ xây dựng không chịu lửa.	3290
76.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
77.	Bán buôn tổng hợp	4690
78.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210

79.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
80.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
81.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
82.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
83.	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
84.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
85.	Phá dỡ	4311
86.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
87.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
88.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
89.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
90.	Bốc xếp hàng hóa	5224
91.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
92.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
93.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
94.	Tái chế phế liệu	3830
95.	In ấn	1811
96.	Sửa chữa thiết bị điện Chi tiết: Sửa chữa thiết bị điện, lắp đặt hệ thống điện	3314
97.	Hoạt động hậu kỳ	5912
98.	Xây dựng nhà các loại	4100
99.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn, thiết kế, giám sát xây dựng	7110
100.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240

6. Vốn điều lệ: 1.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ QUÝ NGO	Tổ 7, Phường Ngô Quyền, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	20,000	121263758	
			Tổng số	30.000	300.000.000	20,000		
2	NGUYỄN THỊ THU HƯỜNG	Tổ dân phố Chi Ly I, Phường Trần Phú, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	20,000	121203391	
			Tổng số	30.000	300.000.000	20,000		
3	GIÁP VĂN THẮNG	Tổ dân phố Phú Mỹ, Phường Đình Kê, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	20,000	121496070	
			Tổng số	30.000	300.000.000	20,000		
4	PHẠM VĂN LĨNH	Thôn Gai, Thị trấn Đồi Ngô, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	20,000	121300009	
			Tổng số	30.000	300.000.000	20,000		
5	PHẠM VĂN PHONG	Thôn Đồng, Xã Huyện Sơn, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	20,000	121288624	
			Tổng số	30.000	300.000.000	20,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM VĂN PHONG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 07/07/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 121288624

Ngày cấp: 18/01/2017

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đổng, Xã Huyền Sơn, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Đổng, Xã Huyền Sơn, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang